

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 314/2024/DS-ST
Ngày: 31-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Ân
- Ông Phạm Văn Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 633/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 178/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên M

Địa chỉ trụ sở chính: Số 91 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông LEE J (Tổng giám đốc)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn T**; Địa chỉ trụ sở: Tầng B, Tòa nhà số X, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 199/2023/GUQ-MAFC ngày 23/5/2023).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Trọn Niềm Tin: Bà **Nguyễn Thị Xuân M**, sinh năm: 1982.

Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Trọn Niềm Tin ủy quyền lại cho bà **Nguyễn Thị Lan A**, sinh năm: 2000; Địa chỉ liên hệ: Phòng số M, Tầng B, Tòa

nhà số X, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 05/7/2023) (có mặt)

2. *Bị đơn*: Ông **Lê Tuấn A**, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố X, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên M có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Ngày 18/8/2022 Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mirae Asset (sau đây gọi tắt là Công ty M) ký Hợp đồng tín dụng số: 3512901 với ông Lê Tuấn A, số tiền vay là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), lãi suất 44%/năm, thời hạn vay 36 tháng. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong hợp đồng bằng hình thức chuyển vào tài khoản cá nhân của cho ông Lê Tuấn A. Theo thỏa thuận, ông A có trách nhiệm thanh toán trả góp hàng tháng với số tiền là 3.030.100 đồng trong kỳ hạn 36 tháng, kể từ ngày 15/9/2022 đến ngày 15/8/2025.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay, ông A chỉ thanh toán cho công ty được 05 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 15.222.000 đồng. Ngày 15/01/2023 đến nay, ông A không tiếp tục thanh toán trả góp theo hợp đồng đã ký với công ty. Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu ông A thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng. Đồng thời, công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho ông A biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, ông A vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng cho công ty. Do ông A cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Công ty M yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Tuấn A thanh toán một lần toàn bộ khoản vay cho Công ty M với tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/5/2024 là 92.969.388 đồng (Chín mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm tám mươi tám đồng); trong đó bao gồm:

Nợ gốc: 55.341.051 đồng.

Lãi trong hạn: 27.139.501 đồng.

Lãi quá hạn: 8.541.929 đồng.

Lãi chậm trả: 1.946.907 đồng.

Ông Lê Tuấn A phải thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 01/6/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 12 năm 2023, bị đơn ông Lê Tuấn A trình bày:

Ông không vay tiền của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên M nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của công ty.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án với đề xuất Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên M khởi kiện yêu cầu ông Lê Tuấn A thanh toán tiền vay theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 15/8/2022 nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Lê Tuấn A có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Lê Tuấn A được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Tuấn A theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào năm 2022 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Lê Tuấn A tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải nhưng ông A vắng mặt không đến Tòa án, không có thiện chí hòa giải để giải quyết vụ án. Tại bản tự khai, ông trình bày ông không vay tiền của Công ty M nhưng ông không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông A đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[6] Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên M số 73/GP-NHĐ ngày 12/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0311132506 đăng ký đầu ngày

08/9/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 12/01/2022 thì Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên M là tổ chức có tư cách pháp nhân được quyền tham gia các giao dịch dân sự, thực hiện các hoạt động tín dụng. Bị đơn ông Lê Tuấn A là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện; nội dung hợp đồng về việc cấp tín dụng phù hợp với quy định tại Điều 91, khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng đã giao kết có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Vì vậy các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[7] Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3512901 ngày 15/8/2022, căn cứ Phiếu báo nợ số giao dịch FT22230358192665 của Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam, ngày giao dịch: 18/8/2022 thể hiện Công ty M có chuyển khoản cho ông Lê Tuấn A số tiền 60.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Lê Tuấn A có vay của Công ty M số tiền là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

[8] Theo thỏa thuận thì ông A thanh toán theo phương thức góp vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu thanh toán từ ngày 10/10/2022 đến ngày 10/9/2024, tổng cộng 24 kỳ thanh toán, lãi suất kỳ thanh toán thứ 1 đến thứ 20 là 3.67%/tháng, từ kỳ thanh toán thứ 21 đến thứ 24 là 0%/tháng. Tổng số tiền ông A đã thanh toán cho Công ty M là 8.206.952 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc: 4.178.287 đồng, lãi 3.992.665 đồng, phí: 36.000 đồng. Căn cứ Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng ngày 30/6/2023 thì đợt thanh toán cuối cùng của ông A là ngày 14/01/2023. Từ ngày 15/01/2023 ông A không tiếp tục thanh toán cho Công ty M là vi phạm thỏa thuận tại khoản 3.6 Điều 3 Phần B Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng. Xét thấy, ông A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty M khởi kiện yêu cầu ông A thanh toán nợ gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 31/5/2024, là phù hợp quy định tại Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty M. Buộc ông A phải thanh toán cho Công ty M tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/5/2024 tổng cộng là 92.969.388 đồng. Trong đó bao gồm:

- Nợ gốc: 55.341.051 đồng.
- Lãi trong hạn: 27.139.501 đồng.
- Lãi quá hạn: 8.541.929 đồng.
- Lãi chậm trả: 1.946.907 đồng.

[9] Về yêu cầu ông Lê Tuấn A tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 01/6/2024 cho đến khi thi hành xong bản án. Xét yêu cầu này phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019

của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cụ thể: ông Lê Tuấn A phải chịu án phí là 4.648.469 đồng. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 và 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên M đối với bị đơn ông Lê Tuấn A về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1. Buộc ông Lê Tuấn A có trách nhiệm trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên M số tiền tính đến ngày 31/5/2024 tổng cộng là 92.969.388 đồng (Chín mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm tám mươi tám đồng), trong đó bao gồm:

- Nợ gốc: 55.341.051 đồng.
- Lãi trong hạn: 27.139.501 đồng.
- Lãi quá hạn: 8.541.929 đồng.
- Lãi chậm trả: 1.946.907 đồng.

Kể từ ngày 01/6/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các

bên đã thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3512901 ngày 15/8/2022.

Các bên thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Lê Tuấn A phải chịu 4.648.469 đồng (Bốn triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.649.024 đồng (Một triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, không trăm hai mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0020667 ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- Chi cục THADS H.Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Kim Tuyền